TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 124/2026/QĐST-HNGĐ	Hưng Yên, ngày 11 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

Căn cứ các điều 212, 213, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 495/2026/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn".

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; CCCD số 033183002666 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/05/2021.

Cư trú tại: thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1978; CCCD số 033078012265 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/12/2021.

Cư trú tại: thôn T, xã H, tỉnh Hưng Yên.

* *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 09/10/2017.

Cư trú tại: Thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên.

* Những người đại diện theo pháp luật cho cháu K: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1 được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03/9/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T1.

1.2 Về con chung: Chị T và anh T1 xác định quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 28/5/2007 và cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 09/10/2017. Hiện nay cháu N đã thành niên, tự lập và có cuộc sống riêng nên chị T và anh T1 không có yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, còn cháu K đang ở cùng với chị T. Chị T và anh T1 thỏa thuận, chị T được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu K đến tuổi thành niên. Anh T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T là 2.000.000đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 09/2026 cho đến khi cháu K đến tuổi thành niên. Anh T1 được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.3 Về tài sản chung; công nợ; công sức; ruộng canh tác: Chị T và anh T1 tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị T tự nguyện chịu cả 300.000đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0001070 ngày 21/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 34 và 36 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT, TTr và THA - TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 1 - Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hưng Yên;
- UBND xã Hồng Quang, tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Lũng